

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI M&L**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI M&L

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: M&L CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108677189

**3. Ngày thành lập:** 01/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

NO02-LK2-06, Khu đất dịch vụ HT5, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973 633 113

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa                                                                                                                                                            | 4610        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                          | 4101(Chính) |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                              | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                   | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                        | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                         | 4223        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.                                                                                                                                            | 4229        |
| 10. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                   | 4291        |
| 11. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                            | 4292        |
| 12. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                      | 4293        |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...). | 4299        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                      | 4322        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                     | 4311        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                      | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                         | 4711 |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                       | 4719 |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4722 |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4723 |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                       | 4741 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752 |
| 24. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753 |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4772 |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4791 |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5510 |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610 |
| 29. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5621 |
| 30. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                                                                                                                                                                                                      | 5629 |
| 31. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                              | 7730 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                     | 8299 |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HÀ MẠNH DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/05/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011896534

Ngày cấp: 23/08/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4D dãy D nhà 14, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4D dãy D nhà 14, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ MẠNH DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/05/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011896534

Ngày cấp: 23/08/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4D dãy D nhà 14, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4D dãy D nhà 14, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội